

# Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

PHAN THỊ HẰNG NGÀ\*

## Tóm tắt

Nghiên cứu này tập trung nhận diện và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, lấy mẫu thuận tiện với 500 khảo sát. Kết quả cho thấy có 3 yếu tố có ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế tại Chi cục, trong đó yếu tố có tác động mạnh nhất là Cơ quan quản lý thuế, Người nộp thuế và Quy định của pháp luật về thuế.

**Từ khóa:** Yếu tố, hiệu quả thu thuế, Chi cục Thuế quận Bình Thạnh

## Summary

This study is to identify factors influencing the efficiency of tax collection at Binh Thanh District Tax Department in Ho Chi Minh City. By quantitative research after a convenient sampling of 500 subjects, it reveals three determinants which are Tax Administration, Taxpayers and Regulations on Taxation, in descending order of impact.

**Keywords:** factors, efficiency of tax collection, Binh Thanh District Tax Department

## GIỚI THIỆU

Hiện nay, công tác thu thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh TP. Hồ Chí Minh đã đạt được một số kết quả. Công tác quản lý thu thuế từng bước được chuyên môn hoá, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của cá nhân và tập thể trong quản lý thu nộp thuế, đảm bảo tính công khai, dân chủ. Tuy nhiên, việc trốn thuế, tránh thuế, thất thu vẫn diễn ra ngày càng tinh vi và phức tạp. Bài viết phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, từ đó đưa ra khuyến nghị chính sách cho cơ quan thuế nhằm tăng thu cho ngân sách nhà nước.

## CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Theo La Xuân Đào (2009), chính sách thuế là tổng thể những quan điểm, tư tưởng, các giải pháp, công cụ mà Nhà nước sử dụng để ra quyết định về thu

nhập, huy động nguồn thu từ thuế nhằm đảm bảo cho nhu cầu chi tiêu của mình. Theo tác giả thì chính sách thuế phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế ở từng giai đoạn.

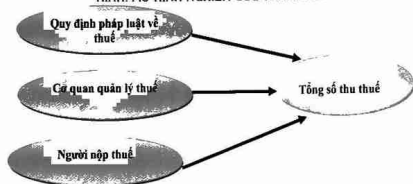
Theo Michael G. Silverman (2008), trong bối cảnh hiện đại, tuân thủ nói chung không chỉ gói gọn trong việc chấp hành luật, pháp lệnh và quy định, mà còn là một quá trình phức hợp liên quan đến hành vi đạo đức, cơ cấu tổ chức, công nghệ và kỹ thuật quản trị rủi ro. Hay nói cách khác, để gia tăng tính tuân thủ không chỉ sử dụng các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật, như: thanh kiểm tra thuế (tax audit) và xử phạt, mà còn phải sử dụng nhiều biện pháp mang tính xã hội. Do đó, ngoài việc đo mức tuân thủ thuế, cần phải phân tích rõ những nhân tố ảnh hưởng đến mức tuân thủ nhằm giúp cơ quan thuế xây dựng chiến lược ứng xử thích hợp.

Có khá nhiều học giả đã nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế, như: Henrik J. Kleven và cộng sự (2010); Allingham, Michael G. and Agnar Sandmo (1972); Alm và cộng sự (1992a,b); Beck, Paul J (1991). Các kết quả nghiên cứu cho thấy. (1) Việc thực thi pháp luật thuế nghiêm ngặt là một công cụ hiệu quả hơn nhiều để chống trốn thuế so với việc giảm thuế suất; (2) Nguồn lực của cơ quan thuế sẽ tới

\* TS., Trưởng Cao đẳng Tài chính Hải quan | Email: pthangngotchq@gmail.com

Ngày nhận bài: 06/08/2017; Ngày phân biên: 30/08/2017; Ngày duyệt đăng: 04/09/2017

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU THAM VẤN



BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CÁC THANG ĐO

STT	Biến đặc trưng	Cronbach's Alpha của thang đo
1	$QL_p, QL_{p'}, QL_{p''}, QL_{p'''}, QL_{p''''}, QL_{p'''''}, QL_{p''''''}, QL_{p'''''''}, QL_{p''''''''}$ (07 biến)	.851
2	$QD_p, QD_{p'}, QD_{p''}, QD_{p'''}, QD_{p''''}, QD_{p'''''}, QD_{p''''''}, QD_{p'''''''}$ (07 biến)	.892
3	$NNT_p, NNT_{p'}, NNT_{p''}$ (03 biến)	.728
4	$HQ_p, HQ_{p'}, HQ_{p''}, HQ_{p'''}, HQ_{p''''}, HQ_{p'''''}, HQ_{p''''''}, HQ_{p'''''''}$ (05 biến)	.865

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KMO VÀ BARTLETT

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.697
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	5,249.078
	Df	591
	Sig	.000

Nguồn: Tính toán của tác giả

hơn, tiết kiệm hơn khi thực hiện kiểm toán thuế trên thông tin báo cáo của bên thứ ba; (3) Thường, phạt và luân lý xã hội; kết hợp các yếu tố kinh tế, tâm lý và xã hội học giúp giải thích hành vi trung thực trong người nộp thuế; (4) Rủi ro trong quản lý thuế, quy trình quản lý rủi ro, trình bày các kỹ thuật quản lý rủi ro ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế.

#### Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích lý thuyết và kế thừa kết quả nghiên cứu trước đây, tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu như Hình.

#### Tổng số thu thuế ( $Y$ ) = $f(X_1, X_2, X_3)$

Trong đó:  $Y$  là biến phụ thuộc (biến kết quả) và  $X_1, X_2, X_3$  là biến độc lập (biến giải thích).

$X_1$  là Cơ quan quản lý thuế (QL): Các chức năng được thực hiện đồng bộ, hiệu quả, phối hợp tốt sẽ làm tăng tổng số thu thuế và ngược lại.

$X_2$  là Quy định pháp luật về thuế (QĐ): Chính sách pháp luật thuế rõ ràng, ổn định, chế tài đủ mạnh thì tổng số thuế sẽ cao và ngược lại.

$X_3$  là Người nộp thuế (NNT): NNT hiểu và nắm bắt kịp thời các nghĩa vụ thuế của mình, các thủ tục thuế góp phần tăng tổng số thu thuế và ngược lại.

#### Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sơ bộ nhằm mục đích khám phá các nhân tố tác động đến hiệu quả thu thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh. Tác giả thực hiện tiếp nghiên cứu sơ bộ định lượng, thông qua phương pháp lấy mẫu thuận tiện (phi xác suất). Tổng số phiếu khảo sát phát ra: 539 mẫu, số mẫu hợp lệ là 500 mẫu, được khảo sát đối với các đối tượng đến nộp thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh. Thời gian khảo sát từ 07/2015-07/2016 (Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế).

#### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Qua phân tích kiểm định Cronbach's Alpha, mô hình gồm 03 thang đo và 22 biến đặc trưng.

Kết quả kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) và Bartlett để đo lường sự tương thích của mẫu khảo sát (Bảng 2).

Sau khi loại những biến quan sát có trọng số nhỏ hơn 0.5, mô hình nghiên cứu còn lại 21 biến quan sát, trích thành 03 nhóm yếu tố. Các giá trị Eigenvalues đều lớn hơn 1, trị số phương sai trích 77.9% điều này có nghĩa là 69.7% thay đổi của 3 yếu tố được giải thích bởi 21 biến quan sát. Biến phụ thuộc sau khi xoay nhóm 1 nhân tố có phương sai trích 72.866% đạt yêu cầu.

Như vậy, qua các kiểm định chất lượng thang đo và các kiểm định của mô hình EFA, có 03 thang đo đại diện cho các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Để xác định, đo lường và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu thuế, nghiên cứu sử dụng RA đối với 3 yếu tố ảnh hưởng từ kết quả phân EFA, đưa 3 yếu tố vào chạy hồi quy bằng phương pháp Enter nhằm đánh giá mức độ phù hợp của mô hình (Bảng 3).

Kiểm định tương quan từng phần của các hệ số hồi quy, nhằm xem xét các biến độc lập tương quan có ý nghĩa với biến phụ thuộc hay không? Từ kết quả chạy mô hình (phần Coefficients a), ta có kết quả thể hiện ở Bảng 4.

Sử dụng kiểm định trị thống kê F bằng phân tích ANOVA và kiểm định Spearman. Kết quả cho giá trị  $F = 52.217$ , giá trị Sig. rất nhỏ cho thấy mô hình hồi quy bội phù hợp với tập dữ liệu

BẢNG 3: ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP MÔ HÌNH

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
1	.787 <sup>a</sup>	.641	.618	68823	.641	52.217	5	500	.000	2.631

a. Predictors: (Constant), QL, QĐ, NNT.

b. Dependent Variable: HQ

BẢNG 4: HỆ SỐ HỒI QUY (COEFFICIENTS)

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta		Tolerance	VIF
1	(Constant)	2.757	1.778		-.3464	.000	
	QL	.092	.072	.916	2.551	.015	1.319
	QĐ	.128	.035	.096	2.943	.009	4.24
	NNT	.430	.047	.054	5.295	.000	1.847

a. Dependent Variable: HQ

Nguồn: Tính toán của tác giả

và có thể sử dụng được. Kết quả kiểm định tương quan tất cả 03 biến QL, QĐ, NNT có mức ý nghĩa (Sig.) nhỏ hơn 5% nên kết luận rằng phương sai của phần dư mô hình trên không thay đổi.

Vậy sau khi kiểm định, phân tích nhân tố khám phá và chạy hồi quy bội cho thấy mô hình xây dựng phù hợp với dữ liệu thu được và kết quả cho thấy hiệu quả thu thuế tại Chi cục Thuế quận Bình Thạnh phụ thuộc vào 3 yếu tố: QL, QĐ, NNT; trong đó: yếu tố QL (cơ quan quản lý thuế) ảnh hưởng nhiều nhất, kế tiếp là yếu tố QĐ (Các quy định của pháp luật về thuế) và yếu tố ảnh hưởng ít nhất là NNT (người nộp thuế). Mặt khác, khi kiểm tra sự vi phạm các giả định cần thiết trong hồi quy bội, thì hầu hết các giả định đều được thỏa mãn. Từ đó, ta xác định được phương trình hồi quy bội như sau:

$$Y = 0.916 \cdot QL + 0.096 \cdot QĐ + 0.054 \cdot NNT$$

### KẾT LUẬN VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả trong công tác thu thuế bị tác động bởi các quy định của Pháp luật về thuế; Sự quản lý của cơ quan thuế và Người nộp thuế. Dựa trên kết quả nghiên cứu và quan sát thực tế của tác giả, xin đề

xuất các gợi ý chính sách như sau để tăng thu cho ngân sách nhà nước.

#### Thứ nhất, pháp luật về thuế

Nội dung chính sách thuế GTGT khi ban hành sửa đổi phải được nghiên cứu kỹ, quy định cụ thể làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện được rõ ràng, thống nhất, theo đó nên bỏ bớt chỉ còn 2 mức thuế suất là 0% cho xuất khẩu và 5% cho tiêu thụ nội địa. Nên áp dụng 1 phương pháp kê khai thuế GTGT.

Nội dung Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp còn lỏng lẻo ghép nhiều chính sách xã hội, nhiều mức miễn, giảm thuế gây khó khăn trong quá trình quản lý thuế, cũng như dễ phát sinh tiêu cực, thông đồng giữa công chức thuế và người nộp thuế.

Việc quy định giảm trừ gia cảnh theo mức tuyệt đối như hiện nay sẽ không khuyến khích người tiêu dùng yêu cầu người bán xuất hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ. Trong khi việc quản lý doanh thu của người nộp thuế phụ thuộc vào việc xuất hóa đơn đúng và kê khai thuế đầy đủ. Do đó, theo tác giả, ngoài mức giảm trừ gia cảnh nếu có các khoản chi vượt một ngưỡng (Ví dụ: 9.000.000 đồng) thì sẽ được trừ các khoản này vào thu nhập trước khi tính thuế với điều kiện có hóa đơn minh chứng và thanh toán qua ngân hàng.

#### Thứ hai, quản lý thuế tại cơ quan thuế

Cần áp dụng phương pháp quản lý thuế hiện đại là quản lý thuế trên cơ sở dữ liệu thông tin tổng hợp và kỹ thuật quản lý rủi ro. Đây là phương pháp quản lý thuế dựa trên lý thuyết xác suất và phân tích rủi ro trên cơ sở những nguồn thông tin về người nộp thuế, từ các chủ thể khác có liên quan và sự logic trong

những nguồn thông tin đó để xác định đối tượng “có vấn đề” cần phải tập trung quản lý, giám sát. Phương pháp quản lý này có ưu điểm vừa đảm bảo tính khách quan trong việc xác định các đối tượng cần để mắt tới, vừa tạo ra áp lực răn đe vô hình đối với người nộp thuế, tính hiệu quả trong quản lý thuế được nâng cao, tiết kiệm thời gian, nhân lực, chi phí cho cả Nhà nước và người nộp thuế, dân chủ được mở rộng; quyền, trách nhiệm của người nộp thuế được tôn trọng và đề cao.

Đồng thời, cần bổ sung quy định khoản tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế thiếu, hoặc số tiền thuế được hoàn cao hơn không được tính vào chi phí khi xác định thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công tác tuyên truyền hỗ trợ, không những nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế, mà còn góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ và tạo mối quan hệ gắn kết giữa cơ quan thuế và người nộp thuế.

#### *Thứ ba, đối với người nộp thuế*

Để giảm thiểu thiệt hại trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh do các sai sót về thuế, người nộp thuế cần thường xuyên cập nhật thông tin chính sách thuế mới thông qua các kênh tư vấn trực tiếp tại cơ quan thuế, điện thoại, truy cập vào website ngành

thuế, tự nghiên cứu tìm hiểu hoặc thuê dịch vụ tư vấn thuế.

Tự giác chấp hành các nghĩa vụ và thực hiện đúng các quyền theo quy định của Luật Quản lý thuế. Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế chưa rõ về chính sách thuế, người nộp thuế nên nhờ sự hỗ trợ tư vấn từ cơ quan thuế, hết sức tránh trường hợp đã hoàn thành các nghiệp vụ mới tìm hiểu về nghĩa vụ thuế của mình.

Kiểm tra, thanh tra thuế thực chất là hoạt động kiểm toán tuân thủ trong lĩnh vực thuế, thông qua hoạt động này người nộp thuế có điều kiện đánh giá lại chất lượng không chỉ của bộ phận kế toán, mà còn có thể đánh giá được công việc của các bộ phận khác, như: bộ phận tổ chức nhân sự qua việc kiểm tra hồ sơ của người lao động; bộ phận mua hàng qua việc kiểm tra chứng từ đầu vào; bộ phận kinh doanh qua việc kiểm tra doanh thu... Vì vậy, hỗ trợ và hợp tác tốt với cơ quan thuế trong công tác kiểm tra cũng là tự giúp mình chấn chỉnh lại bộ máy hoạt động. □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. La Xuân Đào (2009). Thực trạng chi phí tuân thủ thuế của các doanh nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, (42), 48-53
2. Allingham, Michael G. and Agnar Sandmo (1972). Income tax evasion: the theoretical analysis, *Journal of Public Economics*, 1972, vol. 1, issue 3-4, 323-338
3. Alm, James, B. R. Jackson, and M. McKee (2008). Getting the Word Out: Enforcement Information Dissemination and Compliance Behavior, *Journal of Public Economics (in press)*
4. Alm, James, Betty R. Jackson, and Michael McKee (1992a). Estimating the Determinants of Taxpayer Compliance with Experimental Data, *National Tax Journal*, 45, 107-114
5. Alm, James, Betty R. Jackson, and Michael McKee (1992b). *Deterrence and Beyond: Toward a Kinder, Gentler IRS*, in J. Slemrod (ed.), *Why People Pay Taxes: Tax Compliance and Enforcement*, University of Michigan Press: Ann Arbor, MI
6. Alm, James, Gary H. McClelland, and William D. Schulze (1992). Why Do People Pay Taxes? *Journal of Public Economics*, 48, 21-38
7. Andreoni, James, Brian Erard, and J. Feinstein (1998). Tax Compliance, *Journal of Economic Literature*, 36, 818-860
8. Beck, Paul J., Jon S. Davis, and Woon-Oh Jung (1991). Experimental Evidence on Taxpayer Reporting under Uncertainty, *Accounting Review*, 66, 535-558
9. Henrik J. Kleven, Martin B. Knudsen, Claus T. Kreiner, Søren Pedersen, Emmanuel Sævi (2010). Unwilling or unable to cheat? evidence from a randomized tax audit experiment in denmark, *Working Paper 15769*
10. Michael G. Silverman (2008). *Compliance Management for Public, Private, or Nonprofit Organizations*, Introduction



QUẢNG CÁO SỐ 27

THÁNG  
09/2017

KINH TẾ VÀ DỰ BÁO

- |   |       |
|---|-------|
| 1. Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC .....               | Bìa 2 |
| 2. Công ty TNHH Thủy Long Hà Nam .....              | Bìa 3 |
| 3. Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng Hòa Bình ..... | Bìa 4 |